

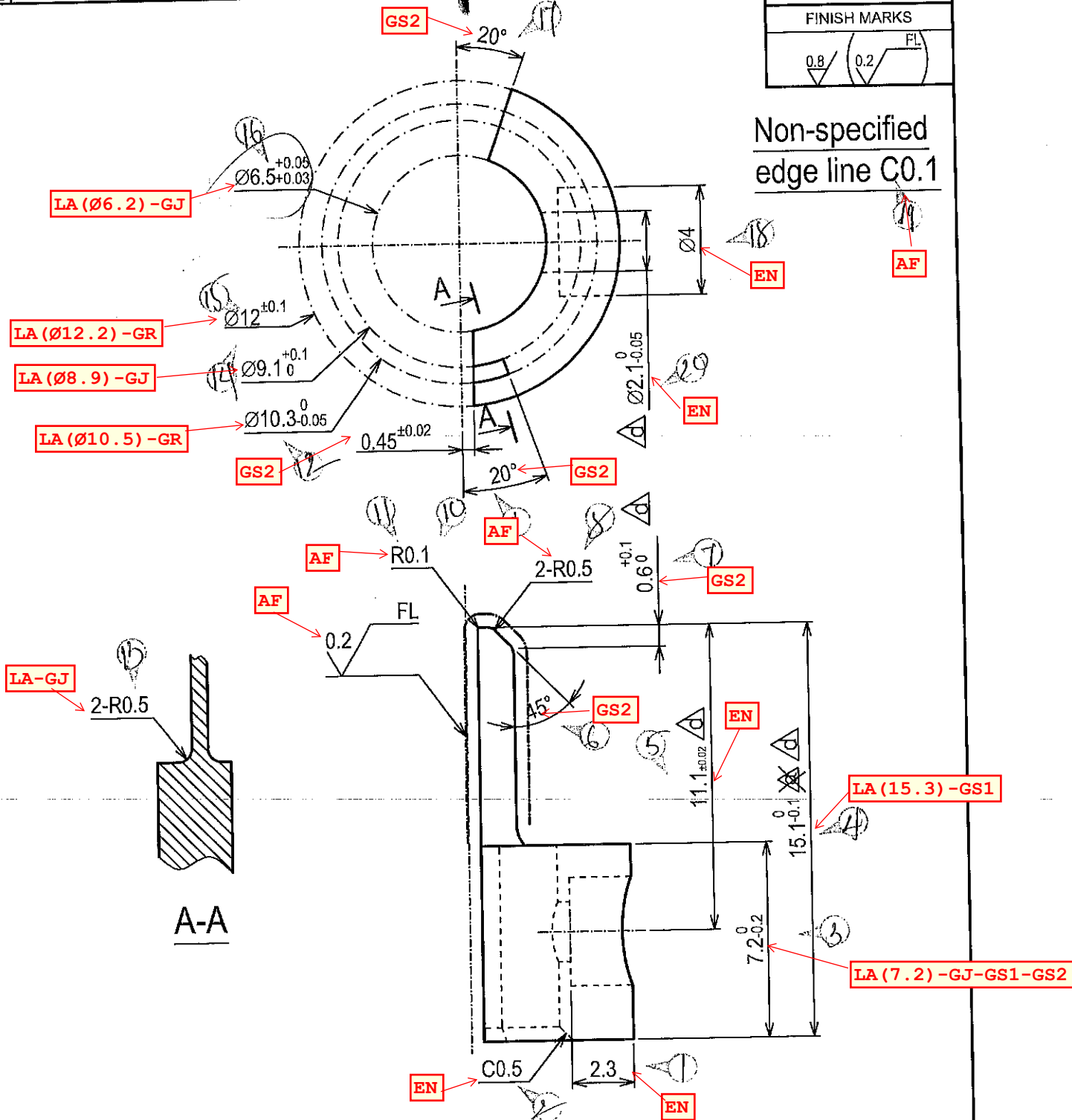
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2011/06/28			Doan Ngoc Trac		T.Kitamoto	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1
	2016/11/18	(NAK55⇒SKS3)材料変更	T-VNM-11-012	Doan Ngoc Trac		Phan Thanh Tung	$6 < \leq 30$ ± 0.2
	2017/03/23	(SKS3⇒GO4)材料変更	T-VNM-17-03-004	Doan Ngoc Trac		Dong Khac Tu	$30 < \leq 120$ ± 0.3
	2019/07/25	Change dimension	T-VNM-19-06-086	Tran Van Phong	Doan Ngoc Trac	Dong Khac Tu	$120 < \leq 400$ ± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

FINISH MARKS

0.8 / (0.2 FL)

Non-specified edge line C0.1



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Kitamoto Takuya	GO4	5:1	部品図	開きピン
DSGND.	SURFACE	SIZE	PART DRAWING	OPEN PIN
Doan Ngoc Trac	SOB 21	5:1	PART DRAWING	张开销
DWN.	QUENCH&TEMPER	DATE	DATE	張開銷
Doan Ngoc Trac	HRC 55 ~ 60	2011/06/28	2011/06/28	DWG.No.
				S842856

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 302 0180

SNO: **S842856**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: G04 Ø13*12	LA:30 HT:40 GR:20 GJ:30 GS1:10 EN:30 KA:1 GS2:30 AF:10 AB:10 KT